

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-12-2023.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thái Sơn.

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A, ấp S, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* ông Đoàn Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp S, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà S và ông H vắng mặt (bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày:

Vào năm 2012, bà và ông Đoàn Văn H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre ngày 10/5/2012. Trong thời gian chung sống ông bà có 02 người con chung tên Đoàn Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/5/2012 và Đoàn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2021, hiện đang sống chung với bà.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì phát sinh

mâu thuẫn, lý do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện tại vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: bà yêu cầu được nuôi 02 người con chung tên Đoàn Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/5/2012 và Đoàn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2021. Bà yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi người con chung là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: trong thời kì hôn nhân, ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà phải đi làm xa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn là bà S đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn là ông H không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng S. Bà Nguyễn Thị Hồng S được ly hôn với ông Đoàn Văn H.

- Về con chung: giao cháu Đoàn Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/5/2012 và Đoàn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2021 cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Đoàn Văn H. Ông H cư trú tại xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Hồng S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đoàn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà S, ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà S và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 5 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà S thì bà và ông H đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông bà không chung sống với nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Do không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Từ khi vụ án được thụ lý cho đến nay, ông H không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho bà S tự giải quyết, bà S và ông H không cải thiện được tình cảm vợ chồng để kéo dài đời sống chung.

Xét thấy, giữa bà S và ông H không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, ông bà đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà S và ông H vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S để giải quyết cho bà S được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà S thì bà S và ông H có 02 người con chung là Đoàn Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/5/2012 và Đoàn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2021. Hiện các cháu đang sống với bà S. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con chung chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên đối với cháu L thì cháu L có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Xét thấy, cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu T dưới 36 tháng tuổi, hiện các cháu đang sống với bà S. Với yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà S, ông H không có ý kiến phản đối và không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con

chung sau khi ly hôn. Như vậy, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử xét giao cháu **L** và cháu **T** cho bà **S** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: bà **S** yêu cầu ông **H** cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng theo quy định pháp luật cho mỗi người con là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà **S** có quyền yêu cầu ông **H** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **L** và cháu **T**.

Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”, và tại mục 2 phần III [Công văn số 24/1999/KHXX](#)17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật hướng dẫn “mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”.

Như vậy, do bà **S** và ông **H** không thỏa thuận về mức cấp dưỡng nên bà **S** yêu cầu mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi người con là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) (½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà **S** trình bày bà và ông **H** không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông **H** thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà **S** phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông **H** phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng S. Bà Nguyễn Thị Hồng S được ly hôn với ông Đoàn Văn H.

2. Về con chung: giao cháu Đoàn Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/5/2012 và cháu Đoàn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2021 cho bà Nguyễn Thị Hồng S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc ông Đoàn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đoàn Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/5/2012 và cháu Đoàn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2021 với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án.

Ông Đoàn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày bà và ông Đoàn Văn H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông Đoàn Văn H thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006216 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Đoàn Văn H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Mộng Tuyên